

## CHƯƠNG V:

### Định hướng chiến lược công nghiệp hóa ở Việt Nam

### Định hướng chiến lược CNH ở Việt Nam

- I. Quan niệm về công nghiệp hóa ở Việt Nam
- II. Chiến lược phát triển kinh tế xã hội
- III. Thực trạng CNH ở Việt Nam những năm qua
- IV. Bối cảnh thực hiện chiến lược CNH ở Việt Nam hiện nay
- V. Quan điểm và mục tiêu thực hiện chiến lược CNH ở Việt Nam
- VI. Phương hướng thực hiện chiến lược CNH ở Việt Nam

### I. Quan niệm về công nghiệp hóa ở Việt Nam

1. Quan niệm chung về công nghiệp hóa
2. Quan niệm của Việt Nam về CNH, HĐH

### II. Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội

- 2.1. Bản chất của chiến lược phát triển
- 2.2. Chức năng của chiến lược
- 2.3. Nội dung của chiến lược



### 2.1 Bản chất của chiến lược phát triển

- Chiến lược là tổ hợp các mục tiêu dài hạn và các biện pháp, cách thức, con đường đạt đến các mục tiêu đó
- ❖ Chiến lược phát triển KT-XH được hiểu là một hệ thống các phân tích, đánh giá và lựa chọn thể hiện quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu của một quá trình phát triển mong muốn, sự nhất quán về con đường và các giải pháp cơ bản để thực hiện.
- ❖ Nói cách khác chiến lược phát triển KT-XH chính là một bản luận cứ có cơ sở khoa học xác định đường hướng phát triển cơ bản của đất nước trong khoảng thời gian dài (thường là 10,15, 20... năm)

### 2.1 Bản chất của chiến lược phát triển

- ❖ ⇨ Bản chất của chiến lược phát triển thường được hiểu là hướng và cách thức giải quyết nhiệm vụ đặt ra mang tính toàn cục, tổng thể và trong khoảng thời gian dài. Mục tiêu xây dựng các chiến lược phát triển là đạt tới mục đích phát triển KT-XH nhất định và tìm ra hướng đi tối ưu cho quá trình phát triển đó.

## 2.2 Chức năng của chiến lược phát triển

- ❖ Thực hiện định hướng (dài hạn) sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.
- ❖ Chiến lược cung cấp một tầm nhìn và khuôn khổ chung cho xây dựng và triển khai những hoạch định phát triển ở các cấp thấp hơn, mang tính trung hạn và ngắn hạn như quy hoạch, kế hoạch, các chương trình phát triển KT-XH
- ❖ ...

## 2.3 Nội dung chủ yếu của chiến lược phát triển

- ❖ Xác định những căn cứ của chiến lược (kinh nghiệm lịch sử trong quá trình phát triển KT-XH; Đánh giá thực trạng thời điểm hiện tại, Đánh giá dự báo các nguồn lực; đánh giá và dự báo bối cảnh quốc tế, khu vực...)
- ❖ Xác định các quan điểm phát triển cơ bản của chiến lược. Đây là nội dung quan trọng nhất của chiến lược, thể hiện tư tưởng chủ đạo, định hướng của chiến lược
- ❖ Xác định các mục tiêu phát triển (bao gồm mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể)
- ❖ Xây dựng hệ thống các giải pháp chiến lược: giải pháp về cơ cấu kinh tế; giải pháp thành phần kinh tế; giải pháp phát triển ngành, vùng; giải pháp về nguồn lực, giải pháp về cơ chế vận hành...
- ❖ Xác định các biện pháp tổ chức thực hiện chiến lược: bao gồm lộ trình, các công việc cụ thể cần làm để đưa chiến lược vào thực tế cuộc sống



## III. Thực trạng phát triển kinh tế ở Việt Nam những năm qua

1. Những thành tựu đạt được
2. Những hạn chế cơ bản 




## IV. Bối cảnh thực hiện CNH của Việt Nam hiện nay

1. Bối cảnh trong nước
2. Bối cảnh quốc tế

### 1. Bối cảnh trong nước

- ❖ Tiềm năng và các nguồn lực của đất nước: tài nguyên thiên nhiên, nguồn nhân lực...
- ❖ Thành tựu phát triển kinh tế của hơn 25 năm đổi mới. 
- ❖ Thể chế kinh tế thị trường ngày càng được hoàn thiện. 
- ❖ Mở cửa, chủ động hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.
- ❖ Ổn định chính trị và vị thế của Việt Nam ngày càng tăng

### 2. Bối cảnh quốc tế

- ❖ Xu hướng chung của thời đại là hòa bình, hợp tác, phát triển.
- ❖ Sự phát triển năng động của khu vực châu Á-Thái Bình Dương
- ❖ Xu hướng toàn cầu hóa. 
- ❖ Cuộc cách mạng khoa học công nghệ trên thế giới phát triển vũ bão. 
- ❖ Tình thế và cục diện mới toàn cầu 
- ❖ Khủng hoảng và tái cơ cấu toàn cầu

## V. Quan điểm và mục tiêu thực hiện chiến lược

1. Quan điểm thực hiện chiến lược
2. Mục tiêu chiến lược đến năm 2020 và tầm nhìn 2050

## 1. Quan điểm thực hiện chiến lược

### ❖ Quan điểm định hướng:

- Công nghiệp hóa phải dựa chủ yếu vào kinh tế tri thức và công nghệ mới vì đây là lực lượng sản xuất mới và là lợi thế phát triển chủ yếu của thời đại mới.
- Công nghiệp hóa phải gắn chặt với quan điểm phát triển lấy con người làm gốc, lấy tri thức làm cơ sở.
- Phải đảm bảo sự kết hợp hài hòa giữa yêu cầu tiến kịp thời đại với việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

## 1. Quan điểm thực hiện chiến lược (tiếp...)

### ❖ Quan điểm cụ thể:

- Tiến hành CNH, HĐH dựa vào lợi thế so sánh động, để tham gia có hiệu quả vào hệ thống phân công lao động quốc tế và chuỗi giá trị toàn cầu.
- Chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, dựa vào hội nhập để tạo ra lợi thế và các cơ hội.
- Rút ngắn quá trình CNH theo hướng hiện đại tiến kịp thế giới
- Đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững
- CNH, HĐH vì sự phát triển công bằng, tự do và toàn diện của con người.

## 2. Mục tiêu chiến lược đến năm 2020 tầm nhìn 2050

Đến giữa thế kỷ XXI, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

(Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI – Tr 71)

Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương, đồng thuận; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt.

(Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI – Tr 103)

**Tiêu chí CNH có thể hiểu là những đặc trưng để nhận biết hay để phân biệt trình độ đạt được trong tiến trình CNH.**

Nước CN có trình độ phát triển trung bình được xác định theo các tiêu chí sau:

1. GDP b/q đầu người đạt từ 3000 - 5000 USD/người (VN->3000)
2. Tỷ trọng nông nghiệp trong GDP từ 10 - 20% (VN-15%)
3. Tỷ trọng CN chế tạo trong GTSX CN 40 - 50% (VN-40%);
4. Tỷ trọng LĐ NN trong tổng LĐXH từ 30 - 45% (VN-30%);
5. Tỷ lệ sử dụng Internet trên dân số 25% (VN-trên 30%);
6. Số bác sỹ trên 1 vạn dân 8 - 10 (VN- 9);
7. Tuổi thọ trung bình trên 70 tuổi (VN-trên 75 tuổi);
8. Chỉ số HDI 0,502 - 0,798 (VN-trên 0,750);
9. Tỷ lệ che phủ rừng 42% (Việt Nam dự kiến là 45%);
10. Tỷ lệ đô thị hóa từ 50 - 60% (Việt Nam dự kiến trên 40%);
11. Tỷ lệ DS SD nước sạch 90 - 100% (VN-100% DS đô thị và 85% dân số nông thôn);
12. Hạ tầng kinh tế, xã hội tương đối đồng bộ và hiện đại.

## VI. Phương hướng thực hiện chiến lược trong thời gian tới

- Đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả, phát triển kinh tế nhanh, bền vững.
- Phát triển công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh.
- Phát triển nông-lâm-ngư nghiệp toàn diện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông thôn.

#### IV. Phương hướng thực hiện CNH trong thời gian tới (tiếp...)

- Phát triển các ngành dịch vụ, nhất là các dịch vụ có giá trị gia tăng cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh
- Tập trung xây dựng, tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế đáp ứng yêu cầu CNH
- Phát triển kinh tế xã hội hài hòa giữa các vùng, đô thị và nông thôn
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực
- Phát triển khoa học công nghệ thực sự là động lực then chốt của quá trình CNH



Đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả, phát triển kinh tế nhanh, bền vững.

- ❖ Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững.
- ❖ Thực hiện tái cấu trúc lại nền kinh tế, trọng tâm là cơ cấu lại các ngành sản xuất, dịch vụ phù hợp với các vùng.
- ❖ Tái cấu trúc doanh nghiệp: (1) tái cấu trúc các thành phần kinh tế, khuyến khích phát triển các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh có sở hữu hỗn hợp, phát triển mạnh kinh tế tư nhân (2) tái cấu trúc bản thân doanh nghiệp
- ❖ Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hấp dẫn để huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực của các TPKT
- ❖ Phát triển đa dạng các ngành, nghề để tạo việc làm và thu nhập; tham gia ngày càng nhiều và có hiệu quả vào những khâu, công đoạn có hàm lượng khoa học, giá trị gia tăng cao trong mạng sản xuất và phân phối toàn cầu

Phát triển công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh

- ❖ Cơ cấu lại, xây dựng nền công nghiệp theo hướng phát triển mạnh những ngành có tính nền tảng, có lợi thế so sánh và có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, từng bước có khả năng tham gia sâu, có hiệu quả vào mạng sản xuất và phân phối toàn cầu.
- ❖ Ưu tiên phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp và nông thôn, đặc biệt là công nghiệp sản xuất trang thiết bị, máy móc nông cụ. Máy móc chế biến sản phẩm
- ❖ Từng bước phát triển công nghiệp sinh học và công nghiệp môi trường
- ❖ Tiếp tục phát triển phù hợp những ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động
- ❖ Phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp, phát triển các khu công nghệ cao, đảm bảo phân bổ khu công nghiệp hợp lý giữa các địa phương
- ❖ Phát triển ngành xây dựng đạt trình độ tiên tiến trong khu vực. Nâng cao năng lực công nghiệp xây lắp, phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng.

Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững

- ❖ Đẩy mạnh cơ giới hóa, áp dụng công nghệ hiện đại, nhất là công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp
- ❖ Bổ trí lại cơ cấu cây trồng, vật nuôi
- ❖ Phát triển kinh tế hộ, trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp
- ❖ Thực hiện tốt việc gắn kết chặt chẽ 4 nhà, và phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn
- ❖ Phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, thân thiện với môi trường, mở rộng xuất khẩu
- ❖ Phát triển nhanh ngành chăn nuôi theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp với công nghệ tiên tiến.
- ❖ Phát triển lâm nghiệp toàn diện, bền vững trong đó chú trọng cả rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng

Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững

- ❖ Phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản đa dạng theo quy hoạch, phát huy lợi thế từng vùng gắn với thị trường, gắn nuôi trồng với chế biến bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm.
- ❖ Đẩy mạnh việc đánh bắt hải sản xa bờ, ứng dụng công nghệ cao trong các khâu tìm kiếm ngư trường, chế biến thủy sản.
- ❖ Xây dựng nông thôn mới phù hợp với đặc điểm của từng vùng theo các bước đi cụ thể; đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn

## Phát triển các ngành dịch vụ, nhất là các dịch vụ có giá trị gia tăng cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh

- ❖ Ưu tiên phát triển và hiện đại hóa các ngành dịch vụ tài chính, ngân hàng, viễn thông, thương mại, du lịch, vận tải, dịch vụ chăm sóc sức khỏe giáo dục, đào tạo, khoa học công nghệ.
- ❖ Đẩy mạnh và khuyến khích xuất khẩu, đặc biệt là những mặt hàng mới, sản phẩm chế biến, chế tạo có hàm lượng khoa học công nghệ cao, giá trị gia tăng cao; giảm mạnh xuất khẩu nguyên liệu, khoáng sản, sản phẩm thô.
- ❖ Xây dựng một số trung tâm du lịch lớn trong nước, gắn kết có hiệu quả với các trung tâm du lịch lớn của các nước trong khu vực.

## Tập trung xây dựng, tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế đáp ứng yêu cầu CNH

- ❖ Hoàn thiện cơ bản mạng lưới giao thông thiết yếu, đường ven biển, đường vành đai; hiện đại hóa hệ thống giao thông đô thị, đặc biệt HN
- ❖ Phát triển nhanh nguồn điện đảm bảo đủ điện cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhu cầu sinh hoạt của nhân dân.
- ❖ Hiện đại hóa hệ thống bưu chính viễn thông và hạ tầng công nghệ thông tin đủ sức đảm bảo nhu cầu phát triển trong điều kiện hội nhập.
- ❖ Xây dựng các công trình thủy lợi đa mục tiêu, nâng cao năng lực tưới tiêu chủ động cho các loại cây trồng; hoàn thiện hệ thống đê sông, đê biển
- ❖ Phát triển hệ thống cung cấp đủ nước sạch cho đô thị, khu công nghiệp và dân cư nông thôn
- ❖ Xây dựng các công trình xử lý chất thải rắn, nước, khí thải và các công trình bảo vệ môi trường.

## Phát triển kinh tế xã hội hài hòa giữa các vùng, đô thị và nông thôn

- ❖ Tăng cường liên kết giữa các địa phương trong vùng theo quy hoạch, khắc phục tình trạng đầu tư trùng lặp, thiếu liên kết giữa các địa phương trong vùng.
- ❖ Phối kết hợp giữa các vùng để các vùng đều phát triển, từng bước giảm bớt chênh lệch về trình độ phát triển và mức sống dân cư giữa các vùng.
- ❖ Phát triển hài hòa giữa đô thị và nông thôn. Phát triển đô thị phù hợp với quá trình phát triển kinh tế. Xây dựng nông thôn mới khang trang, hiện đại, giữ gìn và phát huy những nét văn hóa đặc sắc của nông thôn Việt Nam.

## Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- ❖ Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đa dạng, đa tầng của công nghệ và trình độ phát triển của các lĩnh vực, ngành nghề.
- ❖ Thực hiện liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp, cơ sở sử dụng lao động, có sở đào tạo và nhà nước để phát triển nguồn nhân lực theo nhu cầu của xã hội.
- ❖ Thực hiện các chương trình, đề án đào tạo nhân lực chất lượng cao đối với các ngành, lĩnh vực chủ yếu, mũi nhọn.
- ❖ Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, phát huy nhân tài.
- ❖ Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, coi trọng giáo dục đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, kỹ năng lập nghiệp.
- ❖ Đổi mới mạnh mẽ nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học ở các cấp, bậc học.

## Phát triển khoa học công nghệ thực sự là động lực then chốt của quá trình CNH

- ❖ Ưu tiên đầu tư phát triển những ngành công nghệ mũi nhọn như: công nghệ thông tin, công nghệ năng lượng mới, vật liệu mới, công nghệ sinh học...
- ❖ Phát triển mạnh thị trường khoa học và công nghệ
- ❖ Phát triển các doanh nghiệp khoa học, công nghệ, các quỹ đổi mới công nghệ.
- ❖ Hình thành các vườn ươm, các công viên phần mềm, công viên công nghệ
- ❖ Xây dựng đồng bộ chính sách đào tạo, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ xứng đáng nhân tài khoa học và công nghệ.
- ❖ Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo của trí thức.
- ❖ Thực hiện nghiêm túc các quy định về quyền sở hữu trí tuệ.

## Cuộc chạy đua lên đỉnh

Hàng ngày, chú linh dương thức dậy và biết rằng nếu mình không chạy nhanh hơn con sư tử nhanh nhất thì nó sẽ trở thành miếng mồi ngon cho sư tử. Mỗi ngày, con sư tử cũng thức dậy và biết rằng nếu nó không chạy nhanh hơn con linh dương chậm chạp nhất thì nó sẽ bị đói.

*Ngạn ngữ cổ châu Phi  
Trích từ S.G. Lim 3/2006*

